

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **212** /2018/DS-PT
Ngày: 22-11-2018
V/v tranh chấp: “Bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng về tài
sản; Đòi tiền ngân sách”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Minh Hải
Các Thẩm phán : Bà Thái Thị Huyền Trân
: Bà Quách Tố Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 146/2018/TLPT-DS, ngày 01/10/2018 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản; Đòi tiền ngân sách”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2018/DS-ST Ngày 05/7/2018, của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 252/2018/QĐPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Kim Đ , sinh năm 1955, địa chỉ cư trú: TT. N Sập, huyện T , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Thanh H , sinh năm 1963, địa chỉ cư trú: TT. N Sập, huyện T , tỉnh A . (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/10/2017).

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện T .

Trụ sở: TT. N Sập, huyện T , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Thanh Ngọc C , chức vụ: Phó Trưởng Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực huyện T , tỉnh A . (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2018).

Người kháng cáo: Bà Trần Kim Đ là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

- Nguyên đơn bà Trần Kim Đ do ông Trần Thanh H đại diện trình bày:
Theo quyết định số 20 ngày 07/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Kim Đ trong việc thu hồi diện tích đất, tài sản trên đất tại khu vực lòng hồ số 2 với tổng giá trị bồi thường là 365.042.000đ, trong đó: Tiền đất 249.292.000đ, tiền khen thưởng di dời sớm 5.000.000đ và phần còn lại là tiền công trình đã xây dựng và cây cối trên đất và đã nhận tiền xong theo yêu cầu của Ủy ban huyện T ; Do bà Trần Kim Đ xét thấy việc nhà nước áp giá đền bù đối với đất là quá thấp, chưa tương xứng với giá thị trường hiện tại nên đã khiếu nại quyết định nêu trên đến Ủy ban nhân dân tỉnh A ngay khi nhận được quyết định. Tuy nhiên, các cấp không xem xét lại giá bồi hoàn mà lại cho điều chỉnh thu hẹp diện tích khu quy hoạch nên đã không tiến hành thu hồi đất và tài sản của bà Trần Kim Đ nữa; Trong khi đó, các quyết định trước đây của Ủy ban huyện T làm thiệt hại đến quyền lợi về hoa lợi cây cối của bà Trần Kim Đ .

Nay bà Trần Kim Đ yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường cho gia đình toàn bộ thiệt hại, bao gồm: Giá trị cây cối và thiệt hại là 115.750.000đ nhân gấp 02 lần bằng 231.500.000đ; Huê lợi cây cối và tài sản trên đất bị thiệt hại trong 10 năm, mỗi năm chỉ tính 20% thành tiền là 463.000.000đ (231.500.000đ x 20% x 10 năm); Tổng cộng, với 02 khoản số tiền bồi thường là 694.500.000đ. Đối với yêu cầu trả lại số tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư và lãi suất thì không đồng ý trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện T , chỉ chấp nhận trả lại giá trị tiền đất là 249.292.000đ nhưng khi nào nhận được tiền bồi thường thiệt hại mới thanh toán.

- Bị đơn Ủy ban nhân dân huyện T do ông Ngô Thanh Ngọc C đại diện trình bày: Để thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng khu du lịch số 2 (giai đoạn 2) thì trấn Núi sập thì Ủy ban nhân dân huyện T đã có quyết định số 10 ngày 07/01/2015 để thu hồi diện tích đất 713,4m² và cây cối trên đất (phần 605,8m² là đất núi) và quyết định số 20 ngày 07/01/2015 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Trần Kim Đ với tổng số tiền do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng xác định là 360.042.000đ và tiền khen thưởng 5.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi có 02 quyết định nêu trên thì bà Trần Kim Đ đã liên tục khiếu nại quyết định đến các cấp có thẩm quyền nên Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của huyện T vẫn chưa đưa ra phương án và thời gian giải phóng mặt bằng để phục vụ cho dự án, đồng thời sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh A về thu hẹp diện tích dự án cơ sở hạ tầng khu du lịch số 2 (giai đoạn 2) thì Ủy ban nhân dân huyện T đã có quyết định thu hồi quyết định số 10 và 20 cùng ngày 07/01/2015 nêu trên.

Nay bà Trần Kim Đ yêu cầu bồi thường thiệt hại và hoa lợi thu nhập bị mất trong 10 năm, mỗi năm bằng 20% lợi nhuận với số tiền tổng cộng là 694.500.000đ thì Ủy ban nhân dân huyện T không chấp nhận, do các quyết định về thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn toàn đúng pháp luật, đồng thời Hội đồng bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư của huyện T vẫn chưa tiến hành thu hồi và giải phóng mặt bằng nên không có chuyện thiệt hại huê lợi xảy ra. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện T yêu cầu bà Trần Kim Đ hoàn trả lại cho ngân sách nhà nước số tiền bồi thường tổng cộng là 365.042.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST Ngày 05/7/2018, của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu của bà Trần Kim Đ (do ông Trần Thanh H đại diện) về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng là 694.500.000đ (Sáu trăm chín mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện T (do ông Ngô Thanh Ngọc C đại diện). Buộc bà Trần Kim Đ trả lại tiền ngân sách cho Ủy ban nhân dân huyện T số tiền tổng cộng là 407.459.000đ (Bốn trăm lẻ bảy triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, bà Trần Kim Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm vì bà xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bồi thường số tiền thiệt hại 115.750.000 đồng và đồng ý trả lại 249.292.000 đồng tiền giá trị đất. Ngoài ra còn xin miễn nộp tiền án phí sơ thẩm do tuổi cao, bệnh tật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Kim Đ do ông Trần Thanh H đại diện trình bày xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, trước đây bà Đ yêu cầu UBND huyện T phải bồi thường số tiền là 694.500.000đ, nhưng nay bà Đ yêu cầu cho bà chỉ nhận số tiền bồi thường thiệt hại 115.750.000 đồng và đồng ý trả lại 249.292.000 đồng tiền giá trị đất, xin miễn nộp tiền án phí do bà Đ đã lớn tuổi, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa ông C người đại diện cho bị đơn trình bày: Xin rút lại yêu cầu phản tố mà Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý với nội dung yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền 365.042.000đ đồng cho UBND huyện T và tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu: Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Trần Kim Đ là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Do cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng như bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng không làm đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo quy định mà cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý yêu cầu phản tố. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử hủy bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án

nhân dân huyện T và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Trần Kim Đ là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Về nội dung vụ án: Theo quyết định số 10 ngày 07/01/2015 của UBND huyện T có nội dung: “Thu hồi diện tích đất 713,4m² và cây cối trên đất của hộ bà Trần Kim Đ để phục vụ Dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng khu du lịch lòng hồ số 2 (giai đoạn 2) căn cứ vào quyết định số 2584 ngày 18/11/2009 của UBND tỉnh A”. Cũng theo quyết định số 20 ngày 07/01/2015 của UBND huyện Thoại Sơn có nội dung: “Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Trần Kim Đ số tiền tổng cộng là 360.042.000đ trong việc thu hồi đất, bồi thường hoa màu và tài sản trên đất để phục vụ cho dự án trên cơ sở quyết định số 2329 ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh A về phê duyệt phương án đền bù”. Theo phía nguyên đơn sau khi có các quyết định trên của UBND huyện T thì bà Trần Kim Đ không chấp nhận giá đền bù, mặc dù UBND huyện T yêu cầu nhận tiền bồi thường và đã chấp hành bàn giao mặt bằng nhưng bà Đ vẫn liên tục khiếu nại các quyết định này, mặc dù các quyết định này đã được hủy bỏ và diện tích đất không bị thu hồi nhưng do các quyết định này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình nên buộc bồi thường số tiền theo chiết tính là 694.500.000đ. Về phía bị đơn UBND huyện T thì yêu cầu bà Đ phải trả lại số tiền bồi thường đã nhận và tính lãi suất. Thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đã tự nguyện rút yêu cầu phản tố, nguyên đơn đồng ý và sự tự nguyện rút đơn này không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác và không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ, thấy: Theo biên bản thẩm định tại chỗ do cấp phúc thẩm tiến hành thực hiện khảo sát thực tế vào ngày 07/11/2018 tại khu đất có tài sản yêu cầu bồi thường thì thấy các tài sản, gồm: Hàng rào (lưới B40 + trụ đá); Cây tre gai (cao 8m) 1.115 cây; Cây tầm vong (cao 6m) 1.020 cây; Cây cóc (từ 6 năm tuổi trở lên có trái ổn định) 02 cây; Cây trâm (10 cây); Cây xoài (15 cây); Cây mít (23 cây); Cây bình linh (28 cây); Cây me (05 cây); Cây chuối (15 cây) đã không còn tồn tại trên mặt đất. Tại Quyết định số 20 ngày 07/01/2015 UBND huyện T đã bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Trần Kim Đ trong việc thu hồi diện tích đất, tài sản trên đất tại khu vực lòng hồ số 2 với tổng giá trị bồi thường là 365.042.000đ, trong đó: Tiền đất 249.292.000đ, tiền khen thưởng di dời sớm 5.000.000đ và phần còn lại là tiền công trình đã xây dựng và cây cối trên đất và đã nhận tiền xong. Tất cả số tiền bồi hoàn, hỗ trợ của UBND huyện T thì bà Đ đã nhận đủ và đang sở hữu sử dụng. Nhưng bà Đ kháng cáo cho bà chỉ xin nhận số tiền thiệt hại huê lợi cây trái 115.750.000 đồng là không có cơ sở. Hơn nữa tại đơn kháng cáo

ngày 06/7/2018 bà Đ xin lại tiền án phí, xin trả lại tiền bồi thường đã nhận của UBND huyện T và hủy bỏ số tiền yêu cầu UBND huyện T bồi thường. Sau đó, ngày 19/7/2018 có đơn xin rút kháng cáo trên và xin rút đơn khởi kiện. Cho thấy, tại thời điểm này gia đình bà nhận thấy chưa có thiệt hại, nhưng sau đó lại làm đơn kháng cáo lại vào ngày 23/7/2018.

[3] Tuy nhiên, theo yêu cầu kháng cáo, thì bà Đ tự nguyện trả lại cho UBND huyện T số tiền bồi hoàn về giá trị đất là 249.292.000đ vì thực tế đất của bà vẫn còn của bà. Nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm công nhận sự tự nguyện này của bà Đ .

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo về việc xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm do bà Đ đã trên 60 tuổi. Căn cứ vào điểm đ Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì trường hợp của bà Đ yêu cầu là phù hợp và bà Đ cũng có đơn xin miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đối với yêu cầu này của bà.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A cho rằng cấp sơ thẩm không yêu cầu UBND huyện T làm đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 187 và Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng lại ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 171 ngày 04/12/2017 chấp nhận yêu cầu phản tố của UBND huyện T là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng là có căn cứ, nhưng thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đã có đơn xin rút yêu cầu phản tố, nguyên đơn đồng ý và sự tự nguyện rút đơn này không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác và không trái với quy định pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng xét xử phúc thẩm còn thấy, cấp sơ thẩm chưa xem xét và xác minh cụ thể việc thực hiện dự án này là công trình phục vụ lợi ích công cộng hay đây là mô hình kinh doanh, từ đó mới xác định được đối tượng này có phải trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; không phải chịu án phí, lệ phí Tòa án hay không theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326. Nếu hủy án như đề nghị của Viện kiểm sát để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại để đảm bảo thủ tục này thì thấy không cần thiết vì bị đơn cũng đã rút yêu cầu và cho rằng nếu có tiếp tục yêu cầu thì sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Tại vụ án này thì yêu cầu phản tố cũng đã không còn, đây cũng là một nội dung vi phạm tố tụng mà cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Với những nhận định trên, sửa bản án sơ thẩm: Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn; Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ , công nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc hoàn trả phần tiền bồi thường giá trị đất lại cho UBND huyện T, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đ về việc xin miễn nộp án phí.

[7] Về án phí: Bà Trần Kim Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đình chỉ yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện T buộc bà Trần Kim Đ trả lại tiền ngân sách cho Ủy ban nhân dân huyện T số tiền 365.042.000đ và lãi suất theo pháp luật kể từ ngày có quyết định thu hồi.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim Đ (do ông Trần Thanh H đại diện) về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng là 694.500.000đ (Sáu trăm chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Công nhận sự tự nguyện của bà Trần Kim Đ về việc trả lại cho UBND huyện T số tiền bồi hoàn giá trị đất 249.292.000đ (Hai trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim Đ về việc xin miễn nộp án phí.

- Chi phí tố tụng: Bà Trần Kim Đ phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ số tiền là 300.000đ (đã nộp xong).

- Án phí:

+ Sơ thẩm: Bà Trần Kim Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 15.880.000đ theo biên lai thu số 0000570 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

+ Phúc thẩm: Bà Trần Kim Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008915 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền , hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh A (1)
- TAND huyện T (1)
- THA huyện T (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh A (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh A (1)
- Đường sự “Đề thi hành”
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Hải